

Số: 5841 /TCT-KK

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2017

V/v hoàn thuế TNDN khi
chuyển địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST
Địa chỉ: 472-472A-472C Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Tổng cục Thuế nhận được Công văn số 383/CV-BSL ngày 15/11/2017 của Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST (mã số thuế: 0100777569) về việc chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế:

“2. Trường hợp có sự thay đổi trụ sở của người nộp thuế dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, người nộp thuế có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế còn nợ; đề nghị hoàn số tiền thuế nộp thừa (trừ thuế thu nhập cá nhân), thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết thuộc diện hoàn thuế theo quy định (hoặc đề nghị cơ quan thuế xác nhận số tiền thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết để làm căn cứ chuyển cơ quan thuế quản lý mới tiếp tục theo dõi) trước khi thay đổi trụ sở và không phải quyết toán thuế với cơ quan thuế, trừ trường hợp thời điểm thay đổi trụ sở trùng với thời điểm quyết toán thuế năm theo quy định của pháp luật. Đối với thuế thu nhập cá nhân, trường hợp người nộp thuế có số thuế nộp thừa được bù trừ với số thuế phải nộp tại cơ quan thuế chuyển đến.”

Theo hướng dẫn tại Khoản 1 và điểm a, b, c Khoản 2 Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 156/2013/TT-BTC):

“Điều 33. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

1. Tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt được coi là nộp thừa khi:

a) Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp đối với từng loại thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) quy định của mục lục ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 (mười) năm tính từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Đối với loại thuế phải quyết toán thuế thì người nộp thuế chỉ được xác định số thuế nộp thừa khi có số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán thuế.

b) Người nộp thuế có số tiền thuế được hoàn theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập cá nhân (trừ trường hợp nêu tại điểm a khoản này).

2. Người nộp thuế có quyền giải quyết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo thứ tự quy định sau:

a) Bù trừ tự động với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ hoặc còn phải nộp của cùng loại thuế theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 29 Thông tư này (trừ trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này).

b) Bù trừ tự động với số tiền phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo của từng loại thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) quy định của mục lục ngân sách nhà nước (trừ trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này). Trường hợp quá 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm phát sinh số tiền thuế nộp thừa mà không phát sinh khoản phải nộp tiếp theo thì thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản này.

c) Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều này và người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa quy định tại điểm a khoản này sau khi thực hiện bù trừ theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản này mà vẫn còn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa thì người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được giải quyết hoàn thuế theo hướng dẫn tại Chương VII Thông tư này...”

Theo hướng dẫn tại Điều 17 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế:

“Điều 17. Bổ sung Điều 12a, Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

“Điều 12a. Tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý và quyết toán thuế năm

Căn cứ kết quả sản xuất, kinh doanh, người nộp thuế thực hiện tạm nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp của quý chậm nhất vào ngày thứ ba mươi của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế; doanh nghiệp không phải nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý.

Đối với những doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật (như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán và các trường hợp khác theo quy định) thì doanh nghiệp

căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hàng quý.

Đối với những doanh nghiệp không phải lập báo cáo tài chính quý thì doanh nghiệp căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước và dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hàng quý.”

Theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 61 Thông tư số 156/2013/TT-BTC:

“Điều 61. Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

...5. Kiểm tra đối với các đối tượng chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, cổ phần hoá, đóng mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền được áp dụng linh hoạt các trường hợp kiểm tra theo quy định tại điều này.”

Theo hướng dẫn tại tiết a1 điểm a Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

“3. Trường hợp người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý

a) Người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác:

a1) Tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi:

...

Cơ quan thuế chuyển đi thực hiện đối chiếu nghĩa vụ đến thời điểm thay đổi địa chỉ trụ sở với người nộp thuế, lập Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này, gửi 01 (một) bản cho người nộp thuế, 01 (một) bản cho cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến để thông báo về tình hình thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế theo quy định Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.”

Căn cứ quy định và hướng dẫn nêu trên, số thuế TNDN đã nộp của Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST chỉ được xác định là nộp thừa khi đã thực hiện quyết toán thuế. Do đó, Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm tra quyết toán thuế TNDN đến hết kỳ tính thuế năm 2016 để xác định số thuế TNDN nộp thừa tính đến hết kỳ tính thuế năm 2016 của Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST và giải quyết hoàn cho người nộp thuế theo quy định (nếu có). Đề nghị Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST căn cứ biên bản kiểm tra quyết toán thuế của Cục Thuế để lập hồ sơ đề nghị hoàn đối với số thuế TNDN nộp thừa tính đến hết kỳ tính thuế năm 2016 theo quy định (nếu có).

Đối với số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm cho kỳ tính thuế năm 2017 của Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST, đề nghị Cục

Thuế TP. Hồ Chí Minh thực hiện đối chiếu để xác nhận nghĩa vụ của người nộp thuế và chuyển cho Cục Thuế TP. Hà Nội tiếp tục theo dõi theo quy định.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế các TP: Hà Nội, HCM;
- Website TCT;
- Lưu: VT, KK(2b).✓

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KÊ KHAI & KẾ TOÁN THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đào Ngọc Sơn